TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **124/**2025/HC-PT Ngày: 06/9/2025 V/v: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

ông **Trần Quốc Cường**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Trịnh Thị Hằng**, Thẩm tra viên chính Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 18/2025/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2025/HC-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 350A/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: 1 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là 1 Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Phạm Trường T1, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: 8 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là 8 T, phường T, tỉnh Đắk Lắk); có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk**.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh V; chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Trung tâm Phát triển Quỹ đất** thành phố B**.**

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất khu vực Buôn M.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Văn C1; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người kháng cáo: người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk);

* Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Người khởi kiện trình bày:**

Vào năm 1956, ông Nguyễn Văn Q (là bố đẻ của ông Nguyễn Văn C) vào thị xã B (nay là TP B) và khai hoang một lô đất để làm nhà ở - gia đình có mở một lối đi riêng thông ra đường N từ trước giải phóng, giáp cạnh trường P2 (hiện nay là trường THCS P3), Lô đất hiện nay một mặt toạ lạc tại địa chỉ 1 Đ, một mặt toạ lạc tại địa chỉ B N, phường T, thành phố B, Đắk Lắk với diện tích chiều rộng mặt tiền khoảng 2m (hai mét). Lối đi này sử dụng riêng cho gia đình ông, sau đó ông C đã xây dựng một căn nhà để buôn bán kinh doanh đồ dùng văn phòng phẩm, dụng cụ học tập cho học sinh từ trước ngày 15/10/1993 đến nay.

Đến năm 1975 giải phóng Buôn Ma T2 gia đình ông Q làm thất lạc giấy tờ nhà đất nên ông Q có làm đơn xin hợp thức hóa quyền nhà ở, đất ở và được UBND phường T xác nhận ông Q là chủ sử dụng căn nhà 1 Đ, phường T hiện nay (có đính kèm theo đơn).

Căn cứ đơn xin lại đất của ông Nguyễn Văn Q đề ngày 21 tháng 10 năm 1990 có sự xác nhận của ông Võ Đình P (nguyên chủ tịch UBND phường T) đã xác nhận đất là của gia đình ông Q cho nhà trường mượn, lãnh đạo nhà trường ông Phạm Hồng K xác nhận cũng đã khẳng định đất đã mượn của gia đình ông Q và nhà trường đồng ý trả lại, ngoài ra trong đơn còn có xác nhận của ông Phạm Hùng V1 (nguyên chủ tịch UBND phường T) cũng xác nhận đất của gia đình ông Q cho nhà trường mượn nay đồng ý trả lại cho gia đình.

Căn cứ đơn xin lối đi của ông Q ghi ngày 07/9/1992 (kèm theo đơn), tại phần xác nhận của ông Nguyễn Mạnh H (nguyên Phó Chủ tịch UBND phường T) đã khẳng định

"*xét con đường luồn gia đình ông Q xin về nguyên thủy là của gia đình ông trước giải phóng sử dụng*". Về tiêu đề đơn "*Đơn xin lối đi*" vì ông Q không am hiểu pháp luật, từ ngữ pháp luật còn hạn chế, không phải gia đình xin đất của nhà trường, mà là xin lại lối đi phần đất của gia đình ông Q trước đây đã cho nhà trường mượn. Tại đơn xin lại đất xác nhận năm 1990 đã thể hiện rất rõ đất có nguồn gốc là của gia đình ông Q sử dụng trước giải phóng và cho nhà trường mượn để làm hố xí hai ngăn, vì nhà trường không còn sử dụng, nên ông Q làm đơn xin lại đất, và đơn xin lại lối đi để xây dựng một bức tường ngăn cách giữa đất của ông Q với đất của nhà trường để phân chia ranh giới.

Sau giải phóng, nguyên Hiệu trưởng trường P2 là ông Nguyễn Ngọc C2 có đi cùng ông P - guyên Chủ tịch UBND phường T, thị xã B đến nhà ông Q liên hệ xin mượn một miếng đất phía sau cạnh trường và xin được để học sinh của nhà trường đi cùng với lối đi riêng của gia đình tôi thông ra đường N để đi ra hố xí hai ngăn mượn đất của gia đình tôi để phục vụ cho nhà trường. Lúc đó gia đình ông Q đã đồng ý cho nhà trường mượn đất vì đất đang bỏ trống, việc mượn đất nhà chỉ nói bằng miệng, ngoài ra không có biên bản về việc mượn đất. Tuy nhiên, tại đơn xin lại đất, ông Võ Đình P (nguyên Chủ tịch UBND phường T) đã xác nhận việc nhà trường mượn đất của gia đình ông Q là đúng. Cùng đơn có ông Phạm Hồng K (nguyên Hiệu trưởng trường P2), ông Phạm Hùng V1 (nguyên Chủ tịch UBND phường T) cũng xác nhận đồng ý kiến với nhà trường phần đất mượn của gia đình ông Q. Sau khi ông Nguyễn Văn Q chết thì toàn bộ tài sản nhà và đất do gia đình con trai của ông Q là ông Nguyễn Văn C sử dụng, quản lý.

Hiện nay, U thu hồi đất để thực hiện công trình mở rộng trường THCS P3 phục vụ cho việc giáo dục, đào tạo. Đất của gia đình ông C đang nằm trong diện bị thu hồi, cụ thể là lô đất đang làm lối đi của gia đình thông ra đường N với tổng diện tích thửa đất được đo đạc là 86,5m^2, trên đất có căn nhà sử dụng vào mục đích làm nhà ở và kinh doanh buôn bán đồ văn phòng phẩm.

Năm 2022 ông C nhận được Bảng chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản, vật kiến trúc và cây cối hoa màu *"Bản photo không có chữ ký của thủ trưởng cơ quan ban hành và không ghi ngày tháng năm"* do Trung tâm phát triển quỹ đất TP B giao cho gia đình Tôi, sau khi nhận được văn bản này, khi đưa cán bộ của Trung tâm P4 có nói, nếu không đồng ý thì nêu rõ ý kiến vào trang 04 của bảng này. Vì không đồng ý với bảng tính dự thảo, đất của ông C không được bồi thường nên ông C có làm đơn đề nghị xin được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất gửi đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét và giải quyết.

Tháng 12 năm 2023, ông C phát hiện được 02 biên bản xác minh nguồn gốc đất và biên bản xác minh chỗ ở của các hộ nằm trong diện phải thu hồi đất xây dựng công trình mở rộng Trường THCS P3, 02 biên bản này mặc dù mới được lập từ tháng 10, 11 năm 2022, lập sau khi có dự án, nhưng đến nay ông C mới được biết. Ông C không đồng ý nội dung xác minh của 02 Biên bản này bởi vì: 02 Biên bản này căn cứ vào

Đơn xin lối đi ngày 07/9/1992 của ông Nguyễn Văn Q để khẳng định nguồn gốc đất là của Trường học Lê Thị Hồng G (Phạm Hồng T3), trong khi đó nguồn gốc đất là của gia đình ông Q đã được chủ tịch UBND phường T ký, xác nhận và đóng dấu vào thời gian trước đó (xác nhận ngày 19/12/1990 và ngày 21/12/1990, đồng thời Đơn xin lối đi do ông Q không hiểu biết về pháp luật nên dùng từ không đúng nghĩa, xét về bản chất của Đơn xin lối đi đã được ông P1 Chủ tịch UBND phường T ký, xác nhận và đóng dấu có nội dung: *"Xét con đường luồn gia đình ông Q xin, nguyên thủy là của gia đình ông..."*. Như vậy các văn bản trên của nhà trường và UBND phường T đều khẳng định nguồn gốc đất là của gia đình ông Q sử dụng ổn định từ trước giải phóng năm 1975, đến ngày 15/10/1993 và cho đến nay không có ai tranh chấp. Về nguồn gốc đất phía Trường học Lê Thị Hồng G không có bất cứ giấy tờ, văn bản nào để chứng minh quyền sở hữu hợp pháp diện tích đất này.

Sau khi nhận được Thông báo v/v chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất số 07/TB-TTPTQĐ ngày 04/01/2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất TP B thì gia đình ông C chỉ được bồi thường về nhà và công trình xây dựng, còn đất không được bồi thường, nên ông C đã viết nhiều đơn đề nghị xem xét lại.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, sau khi tiếp nhận đơn của ông C, U đã có Công văn số 383/UBND -TTPTQĐ ngày 23/01/2024 trả lời đơn với nội dung: Nguồn gốc đất của gia đình ông C là mượn của trường THCS P3 và căn cứ vào khoản 2, Điều 82 Luật đất đai 2013 để không bồi thường về diện tích đất thu hồi 86,5 m^2. Như vậy Công văn này trả lời đơn của chúng tôi về nội dung không có căn cứ pháp luật bởi vì: Như Tôi đã phân tích và chứng minh nêu trên về nguồn gốc đất là của gia đình bố, mẹ ông C khai hoang, sử dụng ổn định từ trước ngày Giải phóng năm 1975 cho đến nay và được Lãnh đạo trường học Lê Thị Hồng G (nay là Trường Phạm Hồng T3) và Lãnh đạo UBND phường T ký, xác nhận và đóng dấu.

Vì vậy, ông C khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

1- Yêu cầu thu hồi hủy bỏ **Công văn số 383/UBND-TTPTQD ngày 23/01/2024 và một phần Quyết định số 7398/0Đ-UBND ngày 28/12/2023 của U v/v: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với phần diện tích 86,5 m^2 của gia dình ông Nguyễn Văn C đang sử dụng**.

2- Buộc Trung Tâm Phát triển quỹ đất và U bồi thường diện tích đất 86,5m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất ở B đường N, Phường T, TP B cho gia đình ông Nguyễn Văn C theo giá thị trường hiện tại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định rõ yêu cầu khởi kiện và đã rút một phần yêu cầu đối với việc buộc Trung tâm phát triển quỹ đất TP B phải bồi thường đối với diện tích đất 86,5m^2 cho gia đình ông Nguyễn Văn C.

Người bị kiện** Ủy ban nhân dân thành phố B**, trình bày:

1. Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính đã được banh hành đúng trình tự, thẩm quyền đúng với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung khởi kiện:

- Về đất: Năm 1992, ông Nguyễn Văn Q (bố của ông Nguyễn Văn C) có đơn xin mượn đất làm lối đi từ nhà ở hiện tại (số A Đ) đi qua đường N, được UBND phường T và Ban giám hiệu nhà trường phổ thông cơ sở Lê Thị Hồng G đồng ý ngày 07/9/1992, Hộ ông Q đã xây dựng tường rào ngăn cách giữa T4 và lối đi theo yêu cầu của UBND phường T với kinh phí xây dựng là 2.300.000 đồng. Thửa đất nêu trên có nguồn gốc là đất của Nhà nước giao cho trường Lê Thị Hồng G quản lý, UBND phường T chỉ cho mượn để làm lối đi tạm, không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng cá nhân, hộ gia đình. Do đó, không đủ điều kiện để được bồi thường về đất theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2025/HC-ST ngày 27/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: căn cứ khoản 4 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 143; Điều 144; Áp dụng khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C:

- Hủy bỏ Công văn số 383/UBND-TTPTQĐ ngày 23/01/2024 của U về việc Trả lời đơn của công dân;
- Hủy một phần Quyết định số 7398/0Đ-UBND ngày 28/12/2023 của U v/v: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với phần diện tích 86,5m^2 đất của gia đình ông Nguyễn Văn C đang sử dụng;
- Buộc U phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, trong đó phải bồi thường về đất ở đối với diện tích 86,5m^2 đất tại Thửa đất số 13, tờ Bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất số 20 đường N, Phường T, TP B cho những người đồng thừa kế của hộ ông Nguyễn Văn Q theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc buộc Trung tâm phát triển quỹ đất TP B phải bồi thường đối với diện tích đất 86,5m^2 cho gia đình ông Nguyễn Văn C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/6/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 486/QĐ-VKS-HC, kháng nghị đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2025/HC-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C;

Ngày 17/6/2025, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk) kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 17/6/2025, người bị kiện kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206; Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 486/QĐ-VKS-HC ngày 11/6/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong thời hạn theo khoản 1 Điều 213 của Luật Tố tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, ông Phạm Trường T1 là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn C không rút đơn khởi kiện;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 486/QĐ-VKS-HC ngày 11/6/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của người bị kiện, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xem xét về nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với phần diện tích 86,5m^2, tại thửa đất số 13, cụ thể như sau:

[2.1]. Về nguồn gốc đất: căn cứ tài liệu "Đơn xin lối đi" đề ngày 07/9/1992 (bút lục 55) của ông Nguyễn Văn Q (bố của ông Nguyễn Văn C) có nội dung :*"... Theo đơn mượn lối đi của tôi đề ngày 12-8-92. Đã được Ban G1, Đảng ủy, Ủy ban phường chấp thuận và trên đã cho tôi xây 1 bức tường dài 23m, nay tôi đã xây xong bức tường để bảo vệ cho nhà trường. vì số tiền xây bức tường lên tới 2.300.000 đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng, vì tốn phí hết quá nhiều, nay tôi làm đơn này kính xin Đảng ủy, Ủy ban phường, Ban giám hiệu trường* ***cho tôi được xin hẳn lối đi kể trên, từ nhà tôi ra*** đường N***, để tôi được yên tâm tu sửa vững chắc****..."*.

Như vậy, theo nội dung trên thì ông Q đã thừa nhận lối đi từ nhà ra đường N có nguồn gốc là do Trường Lê Thị Hồng G được nhà nước giao quản lý sử dụng, vì có

việc mượn đất để sử dụng làm lối đi nên ông Q mới bỏ số tiền 2.300.000đ để xây bức tường cho phía Nhà trường. Các bên đương sự đều thừa nhận tài liệu nêu trên do ông Q lập nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 79 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.2]. Người khởi kiện cho rằng căn cứ nội dung "Đơn xin lại đất" ngày 27/10/1990 thể hiện ông Nguyễn Văn Q có xin lại miếng đất bên cạnh ở phía sau trước đây Nhà trường mượn để làm hố xí 2 ngăn phục vụ học sinh chính là phần đất của gia đình ông mà hiện nay là lối đi từ nhà ra đường N. Tuy nhiên, ý kiến này của người khởi kiện là không có cơ sở, bởi lẽ nội dung "Đơn xin lại đất" nêu trên chỉ thể hiện ông Q cho nhà trường mượn một miếng đất phía sau cạnh trường có diện tích **24cm^2** để làm hố xí 2 ngăn chứ không có việc cho nhà trường mượn diện tích đất 86,5m^2.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ nội dung đơn trình bày của ông Phạm Hồng K (nguyên là Hiệu trưởng trường Phạm Hồng T3) và ông Nguyễn Mạnh H (nguyên là Phó Chủ tịch UBND phường T) là một trong những chứng cứ để xác định nguồn gốc đất của ông Q là không đủ cơ sở, bởi lẽ tại phần xác nhận của ông Nguyễn Mạnh H nguyên Phó Chủ tịch UBND phường T tại "Đơn xin lại đất" ngày 27/10/1990 có nội dung *"Xét con đường luồn gia đình ông Q xin về **nguyên thủy là của gia đình ông trước giải phóng sử dụng. Nay gia đình không có lối đi**, sau khi xin ý kiến của thường vụ, và tập thể ủy ban ngày 07/9/1992, đã thống nhất giao cho gia đình ông được sử dụng"*. Nhưng thực tế tại thời điểm ông Q làm đơn xin lối đi từ nhà ông Q ra đường N (ông Q ở nhà số B Đ) vẫn có lối đi vào chứ không phải không có lối đi như xác nhận của UBND phường. Do vậy, có căn cứ xác định diện tích 86,5m^2 vốn thuộc quyền quản lý của trường Lê Thị Hồng G do Nhà nước giao từ sau giải phóng 1975, sau đó nhà trường cho ông Q mượn làm lối đi, do vậy hộ ông Q không đủ điều kiện được cấp giấy CNQSDĐ nên theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai 2013, hộ ông Nguyễn Văn Q (do ông Nguyễn Văn C là người thừa kế làm đại diện) cũng không đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

[2.3]. Thực hiện dự án trường THCS P3, hạng mục Bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng sân và tường rào mở rộng, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7412/QĐ-UBND và Quyết định số 7398/QĐ-UBND cùng ngày 28/12/2023 của U v/v: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với phần diện tích 86,5m^2 của gia đình ông Nguyễn Văn C đang sử dụng; theo đó, những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Q trong đó có ông Nguyễn Văn C làm người đại diện đã nhận tiền bồi thường, bàn giao đất, hiện trường Phạm Hồng T3 đã xây dựng tường rào ngăn cách với đất của hộ ông C. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai, cho rằng khi thu hồi đất của hộ ông Q, UBND thành phố B phải công nhận toàn bộ diện tích đất này là đất ở của hộ ông Q, hộ ông Q đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, hủy bỏ Công văn số

383/UBND-TTPTQD ngày 23/01/2024 của U về việc Trả lời đơn của công dân; Hủy một phần Quyết định số 7398/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của U v/v: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, là không đúng quy định pháp luật, chưa đánh giá toàn diện, khách quan các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử nhận định tại mục **[2.1]** và **[2.2]** nêu trên.

[3]. Xét kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk) và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 486/QĐ-VKS-HC ngày 11/6/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk) được chấp nhận nên đương sự không phải chịu.

Do sửa án sơ thẩm nên nghĩa vụ nộp án phí hành chính sơ thẩm Hội đồng xét xử xác định lại theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

- Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk);

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 486/QĐ-VKS-HC ngày 11/6/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2025/HC-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 75, Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc:

- Hủy bỏ Công văn số 383/UBND-TTPTQĐ ngày 23/01/2024 của UBND thành phố B về việc Trả lời đơn của công dân;

- Hủy một phần Quyết định số 7398/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B v/v: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu

hồi đất đối với phần diện tích 86,5m^2 đất của gia đình ông Nguyễn Văn C đang sử dụng;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, trong đó phải bồi thường về đất ở đối với diện tích 86,5m^2 đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất tại số B đường N, Phường T, TP B cho những người đồng thừa kế của hộ ông Nguyễn Văn Q theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: căn cứ Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng khoản 1 Điều 32; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014189 ngày 21/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ). Ông C đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B không phải nộp, hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk) 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000188 ngày 25/6/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT IV – Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên